

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 10/7/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Lơ Mu Ha Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 281/2018/TLST-DS ngày 14/11/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 34/2019/TBTA-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị C, sinh năm 1960.

Trú tại: số 190 P, P, Đ, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N.

Cùng trú tại: 487 Quốc lộ 20, R, P, Đ, Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 10/10/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vào ngày 16/02/2018 vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N có mượn của tôi số tiền 110.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 01/3/2018 sẽ thanh toán. Đến thời hạn trả nợ và tôi cũng yêu cầu nhiều lần nhưng ông V, bà N không thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận. Nay tôi yêu

cầu ông V, bà N phải thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc là 110.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N: đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C buộc vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc là 110.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về mặt tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Giữa nguyên đơn bà Phạm Thị C và bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N có quan hệ vay mượn tiền với nhau thông qua giấy nợ ngày đề ngày 16/02/2018. Do vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N không thực hiện đúng thỏa thuận trả nợ, bà C đã đòi nhiều lần nhưng không được nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 110.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật nên xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị C và bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày: Do quen biết nên có cho vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N mượn số tiền 110.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, tức ngày 01/3/2018 sẽ trả. Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Việt, bà N thanh toán số nợ gốc như đã thỏa thuận nhưng ông V, bà N có tình trốn tránh, khất lần không trả cho bà nên bà C khởi kiện yêu cầu ông V, bà N

phải thanh toán số tiền nợ gốc là 110.000.000 và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập để tham gia các buổi làm việc nhưng đến Tòa làm việc và không có ý kiến về khoản tiền mượn của nguyên đơn.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giao nộp cho Tòa án giấy nợ viết trên giấy vở học sinh có chữ ký của ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N, ông Việt, bà N đã được nhận giấy nợ bản phô tô do bà C xuất trình và không có ý kiến, thắc mắc gì về giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp nên đây được xem là chứng cứ không cần phải chứng minh.

[6] Sau khi xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Phạm Thị C và vợ chồng ông Việt, bà N có xác lập hợp đồng vay số tiền 110.000.000đ là có xảy ra trên thực tế. Nguyên đơn bà C cho vợ chồng ông Việt, bà N mượn số tiền 110.000.000đ, thời hạn vay là 15 ngày, đến hạn trả nợ bà C đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Việt, bà N chưa thanh toán cho bà được đồng nào nên bà C yêu cầu vợ chồng ông Việt, bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 110.000.000đ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N có mượn tiền của bà C và chưa thanh toán số nợ gốc này nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N trả cho bà Phạm Thị C số tiền 110.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà C không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà C khởi kiện yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến phiên tòa hôm nay ngày 10/7/2019 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ngày 16/02/2018 do bà C xuất trình thể hiện hai bên không thỏa thuận lãi xuất, do đó bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 110.000.000đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định là 10%/năm. Như vậy, bà C yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản lãi từ ngày 01/3/2018 đến phiên tòa hôm nay ngày 10/7/2019 số tiền là: $0,83\%/tháng \times 110.000.000đ \times 16 \text{ tháng} = 14.881.900đ$ là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn cụ thể: $124.881.900đ \times 5\% = 6.244.095đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị C số tiền 124.881.900đ (một trăm hai bốn triệu tám trăm tám một ngàn chín trăm đồng), trong đó: 110.000.000đ nợ gốc và 14.881.900đ tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Lê V, bà Trương Thị Thanh N phải chịu 6.244.095đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn không trăm chín lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị C số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2016/0006315 ngày 14/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Long